

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về khái niệm AI?

- A. Khả năng của máy tính có thể làm những công việc mang tính trí tuệ con người
- B. Trí tuệ của máy tính có thể làm những công việc tương đương trí tuệ con người
- C. Tích hợp công nghệ hiện đại vào máy tính, giúp máy tính hiểu được con người
- D. Hoạt động máy tính giao tiếp được với con người bằng ngôn ngữ tự nhiên

Câu 2: Phát biểu nào đúng về khái niệm AI?

- A. Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hoá các hành vi một cách thông minh như con người
- B. Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể thực hiện được các hành vi giống như con người một cách nhanh nhất
- C. Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hoá các hành vi tương tự như hành vi của con người
- D. Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể thực hiện được nhiều công việc trong cùng một thời điểm

Câu 3: Phương án nào sau đây nêu đúng về AI?

- A. Một lĩnh vực khoa học và kỹ thuật nhằm chế tạo các máy móc thông minh
- B. Một loại phần mềm giúp máy tính có thể thực hiện các hành vi thông minh
- C. Một loại máy tính thông minh có thể thực hiện các nhiệm vụ giống như con người
- D. Một loại thuật toán thông minh cho phép máy tính tư duy như con người

Câu 4: Có thể nhận biết một AI thông qua những đặc trưng nào?

- A. Khả năng học, suy luận, nhận thức, hiểu ngôn ngữ, giải quyết vấn đề
- B. Khả năng học, suy diễn, nhận thức, hiểu ngôn ngữ, giải quyết vấn đề
- C. Khả năng học, suy luận, nhận thức, biết ngôn ngữ, giải quyết vấn đề
- D. Khả năng học, suy luận, cảm nhận, hiểu ngôn ngữ, giải quyết vấn đề

Câu 5: Điều không phải là ví dụ về khả năng nhận thức được môi trường xung quanh của hệ thống AI?

- A. Robot hút bụi có khả năng tránh vật cản trên đường đi.
- B. Xe tự lái có khả năng đi đúng làn đường.
- C. Phần mềm chụp ảnh có thể thay đổi chế độ tùy thuộc mức độ ánh sáng thực.
- D. Trợ lý ảo có thể trả lời câu hỏi bằng nhận diện giọng nói của người dùng.

Câu 6: Phương án nào sau đây KHÔNG phải là ví dụ cho khả năng học của hệ thống AI?

- A. Robot người máy thông minh Xoxe có thể nhận diện khuôn mặt của người mới bằng cách được cung cấp hình ảnh.
- B. Robot hút bụi có thể nhận biết khu vực cần làm sạch nhiều hơn để điều chỉnh phương pháp làm sạch phù hợp.
- C. Robot trong dây chuyền lắp ráp ô tô có khả năng hoạt động liên tục nhiều giờ.
- D. Robot xếp dỡ hàng hoá ngày càng thực hiện xếp hàng chính xác và nhanh chóng hơn

Câu 7: Phát biểu nào sau đây nêu đúng mục tiêu ra đời và phát triển ứng dụng AI?

- A. Thúc đẩy sự phát triển của ngành khoa học và công nghệ.
- B. Chia sẻ tri thức về công nghệ, kỹ thuật giữa các quốc gia.
- C. Phát triển các công nghệ giúp máy tính trở nên thông minh.
- D. Mở rộng phạm vi ảnh hưởng của thể hệ máy tính thứ tư.

Câu 8: Mục tiêu của việc phát triển ứng dụng AI là

- A. nhằm xây dựng các phần mềm giúp máy tính có những đặc trưng trí tuệ của con người
- B. nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành khoa học và công nghệ
- C. nhằm mở rộng phạm vi ảnh hưởng của thể hệ máy tính thứ tư
- D. nhằm chia sẻ tri thức về công nghệ, kỹ thuật giữa các quốc gia

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là SAI khi nói về AI?

- A. Được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực
- B. Thay thế một số nghề trong tương lai
- C. Dễ bị lạm dụng vào mục đích xấu
- D. Thông tin phản hồi luôn chính xác

Câu 10: Các ứng dụng nào sau đây được phát triển nhờ thành tựu của AI?

- A. Quản lý hành chính nhà nước thông qua hệ thống các phần mềm
- B. Trao đổi thông tin bằng sử dụng thư điện tử
- C. Xác thực mở khóa điện thoại bằng nhận dạng khuôn mặt
- D. Quét mã vạch để tra cứu sản phẩm tồn kho.

Câu 11: Tình huống nào sau đây KHÔNG phải là ứng dụng của AI trong nhận dạng chữ viết tay, tiếng nói và khuôn mặt?

- A. Mở khóa màn hình điện thoại bằng xác thực qua khuôn mặt được đưa vào trước camera của điện thoại.
- B. Nhận dạng khuôn mặt trong chấm công hoặc điểm danh.
- C. Tìm kiếm các video, hình ảnh bằng giọng nói.
- D. Thu âm lời thuyết minh thành một tệp âm thanh để lưu trên máy tính.

Câu 12: Phương án nào sau đây là một ví dụ về khả năng suy luận của hệ thống gợi ý dựa trên AI?

- A. Đưa ra danh sách video trên YouTube dựa trên sở thích cá nhân

- B. Đưa ra danh sách các sản phẩm sắp xếp theo giá từ thấp đến cao
 C. Đưa ra danh sách các sản phẩm phù hợp với một từ khóa tìm kiếm
 D. Đưa ra danh sách các sản phẩm bán chạy nhất trong tuần qua
- Câu 13:** Phương án nào sau đây thể hiện rõ nhất ứng dụng của trí tuệ nhân tạo?
 A. Đèn điều khiển giao thông tại ngã tư tự động đổi màu B. Tự động thanh toán khi quét mã QR trên điện thoại
 C. Phát ngẫu nhiên một bài hát có sẵn trong danh sách D. Tự động chấm bài thi trắc nghiệm thông qua hình ảnh
- Câu 14:** Hệ thống nào sau đây KHÔNG là một hệ thống AI?
 A. Đo thân nhiệt ở sân bay B. Điều khiển xe ô tô tự lái C. Chuẩn đoán bệnh qua ảnh D. Phiên dịch bằng giọng nói
- Câu 15:** Phát biểu nào sau đây là SAI về ứng dụng AI?
 A. Hình ảnh, video tạo ra từ AI có thể là giả mạo để lừa đảo.
 B. Câu trả lời của hệ thống tư vấn AI luôn luôn đáng tin cậy.
 C. Người dùng không được biết quá trình suy luận trong ứng dụng AI.
 D. Gợi ý do hệ thống AI đưa ra có thể không chính xác nếu dữ liệu huấn luyện sai lệch.
- Câu 16:** Trong lĩnh vực y tế, thành tựu nào sau đây dựa trên sự phát triển của AI?
 A. Đặt lịch khám với chuyên gia bằng sử dụng ứng dụng của bệnh viện trên điện thoại di động.
 B. Tra cứu hồ sơ điện tử của bệnh nhân bằng số căn cước công dân.
 C. Thanh toán viện phí bằng hình thức chuyên khoản.
 D. Phần mềm hỗ trợ phân tích hình ảnh X-quang để phát hiện bất thường.
- Câu 17:** Trong ngành sản xuất các phương tiện giao thông vận tải, thành tựu nào là kết quả nổi bật do ứng dụng AI?
 A. Tăng mức độ an toàn cho người sử dụng. B. Có khả năng tự lái, tự vận hành.
 C. Có khả năng vận chuyển lớn. D. Tăng tính thẩm mỹ.
- Câu 18:** Trong lĩnh vực điều khiển tự động, thiết bị nào sau đây KHÔNG có ứng dụng AI?
 A. Robot thực hiện nhiệm vụ lắp ráp ô tô trong dây chuyền sản xuất. B. Đèn chiếu sáng có cảm ứng tự bật/tắt.
 C. Xe ô tô tự lái. D. Máy bay giao hàng không người lái.
- Câu 19:** Tình huống nào sau đây có ứng dụng của AI?
 A. Khách hàng trò chuyện với một chatbot để tìm hiểu thông tin về sản phẩm quan tâm.
 B. Khách hàng thực hiện việc đặt đơn hàng trên website bằng việc tích chọn mặt hàng, nhập số lượng, chọn phương thức vận chuyển và thanh toán.
 C. Người quản lý xem thống kê hàng tồn kho thông qua một phần mềm quản lý hàng hoá.
 D. Nhân viên đóng gói sản phẩm theo danh sách đơn hàng được trích xuất từ website bán hàng của công ty.
- Câu 20:** Đánh giá nào KHÔNG phù hợp về tri thức của Chat GPT?
 A. Có hiểu biết rộng về nhiều lĩnh vực. B. Có khả năng tạo văn bản theo nhiều phong cách khác nhau.
 C. Có khả năng trả lời câu hỏi ở nhiều dạng khác nhau. D. Có kiến thức chuyên sâu về nhiều lĩnh vực.
- Câu 21:** Phát biểu nào KHÔNG phải là một cảnh báo về ứng dụng AI trong tương lai?
 A. Có nhiều sản phẩm được trang bị tính năng thông minh. B. Xuất hiện các hình ảnh, âm thanh, video giả mạo.
 C. Một số công việc có thể bị thay thế bởi các robot tự động.
 D. Dữ liệu cá nhân có thể bị thu thập và lạm dụng để làm việc xấu.
- Câu 22:** Công việc có tính chất như thế nào thì ứng dụng AI sẽ lấy mất việc làm của con người?
 A. Cần sự sáng tạo và trí tưởng tượng. B. đòi hỏi sự đồng cảm và thấu hiểu.
 C. Lắp lại một vài thao tác đơn giản. D. đòi hỏi kỹ năng vận động tinh tế.
- Câu 23:** Tình huống nào sau đây KHÔNG phải là nguy cơ của ứng dụng AI đối với quyền riêng tư của con người?
 A. Hệ thống camera công cộng có khả năng nhận diện khuôn mặt để giám sát và theo dõi hành động của công dân.
 B. Dữ liệu cá nhân của người dùng mạng xã hội được thu thập và phân tích để tìm các thông tin riêng tư.
 C. Tích hợp thông tin cá nhân khác vào thẻ căn cước công dân có gắn chip.
 D. Phân tích lịch sử người dùng để dự đoán hành vi.
- Câu 24:** Biện pháp nào là quan trọng nhất để giảm thiểu nguy cơ của ứng dụng AI?
 A. Giới hạn độ tuổi được sử dụng các ứng dụng AI.
 B. Đưa ra các quy định và luật để quản lý việc phát triển và sử dụng AI.
 C. Cấm sử dụng AI trong một số lĩnh vực có nguy cơ ảnh hưởng lớn.
 D. Chỉ phát triển ứng dụng AI đảm bảo an toàn, minh bạch và chính xác.
- Câu 25:** Phát biểu nào dưới đây là thách thức lớn nhất liên quan đến việc sử dụng AI?
 A. AI không lưu trữ và sử dụng quyền riêng tư của cá nhân.
 B. Khả năng AI không vượt qua trí thông minh của con người.
 C. Khả năng AI không làm mất đi một số ngành nghề đang có.
 D. Thiếu quy định và luật lệ về việc sử dụng AI trong xã hội ngày nay.
- Câu 26:** Hành vi nào sau đây KHÔNG phải là lạm dụng dữ liệu cá nhân bởi mô hình AI?
 A. Gửi quảng cáo cá nhân hoá dựa trên lịch sử duyệt web. B. Tạo hồ sơ cá nhân chi tiết để bán cho các công ty khác.
 C. Phân tích dữ liệu y tế cá nhân để đưa ra chẩn đoán bệnh. D. Sử dụng thông tin cá nhân để lừa đảo hoặc đe dọa.
- Câu 27:** Phương án nào sau đây đúng khi nói về tác động của AI đối với việc làm của con người?
 A. AI thay thế hoàn toàn con người trong mọi lĩnh vực việc làm.
 B. AI tạo ra những việc làm mới và thay thế một số công việc hiện có.

- C. AI chỉ tác động đến các công việc đơn giản, lặp đi lặp lại.
D. AI không có tác động đáng kể đến việc làm của con người.
- Câu 28:** Nhận định nào sau đây là SAI khi nói về sự ảnh hưởng của AI trong tương lai?
A. AI tăng cường sự tự động hoá trong công việc. B. AI có thể thay thế con người trong một số lĩnh vực.
C. AI tạo ra nguy cơ về an ninh mạng và quyền riêng tư. D. AI sẽ luôn an toàn và có lợi cho con người.
- Câu 29:** Phát biểu nào đúng trong các phát biểu sau?
A. Hub là thiết bị có chức năng chuyển đổi tín hiệu số thành tín hiệu tương tự và ngược lại.
B. Switch là thiết bị có chức năng chuyển đổi tín hiệu số thành tín hiệu tương tự và ngược lại.
C. Router là thiết bị có chức năng chuyển đổi tín hiệu số thành tín hiệu tương tự và ngược lại.
D. Modem là thiết bị có chức năng chuyển đổi tín hiệu số thành tín hiệu tương tự và ngược lại.
- Câu 30:** Modem là thiết bị có khả năng nào sau đây?
A. Định tuyến dữ liệu từ thiết bị gửi tới thiết bị nhận. B. Chuyển đổi từ tín hiệu tương tự sang dữ liệu số và ngược lại.
C. Quản lý truy cập người dùng trong mạng. D. Chuyển tiếp dữ liệu giữa các mạng LAN.
- Câu 31:** Dùng chung cáp điện thoại với mạng điện thoại công cộng là
A. Modem quay số B. Modem ADSL C. Modem GSM D. Modem quang
- Câu 32:** Dùng chung cáp điện thoại nhưng khác tần số là
A. Modem quay số B. Modem ADSL C. Modem GSM D. Modem quang
- Câu 33:** dùng sóng vô tuyến của điện thoại di động (có khe SIM) là
A. Modem quay số B. Modem ADSL C. Modem GSM D. Modem quang
- Câu 34:** Dùng chung cáp quang chuyển đổi tín hiệu số sang tín hiệu quang và ngược lại là
A. Modem quay số B. Modem ADSL C. Modem GSM D. Modem quang
- Câu 35:** Phát biểu nào SAI khi nói về Hub?
A. Kết nối các thiết bị trong cùng mạng LAN
B. Dữ liệu được gửi từ một thiết bị sẽ đến tất cả các các thiết bị khác có kết nối đến Hub
C. Xung đột tín hiệu xảy ra thường xuyên D. Ít xảy ra xung đột tín hiệu
- Câu 36:** Phát biểu nào SAI khi nói về Switch?
A. Kết nối các thiết bị trong cùng mạng LAN B. Dữ liệu gửi từ thiết bị nguồn sẽ đến thiết bị đích nhờ địa chỉ MAC
C. Xung đột tín hiệu xảy ra thường xuyên D. Ít xảy ra xung đột tín hiệu
- Câu 37:** Điểm khác nhau của Hub và Switch là ở
A. cách thức hoạt động B. màu sắc thiết bị C. số cổng kết nối D. hình dáng thiết bị
- Câu 38:** Phát biểu nào sau đây là đúng về Router?
A. Router chỉ hoạt động trong mạng LAN B. Router kết nối các mạng khác nhau và định tuyến gói dữ liệu giữa chúng
C. Router chỉ hỗ trợ kết nối không dây D. Router không cần cấu hình để hoạt động
- Câu 39:** Thiết bị nào sau đây có chức năng cung cấp kết nối không dây cho các thành phần trong mạng
A. Swicth B. Hub C. Access point D. Router
- Câu 40:** Các LAN có thể kết nối với nhau thông qua thiết bị nào?
A. Switch. B. HUB. C. Router. D. Firewall.
- Câu 41:** Thiết bị nào sau đây KHÔNG phải là thiết bị mạng thông dụng?
A. Access Point B. Laptop C. Hub D. Router
- Câu 42:** Muốn kết nối các máy tính trong phạm vi gia đình thành một mạng, nên dùng loại thiết bị nào sau đây?
A. Router B. WAP C. Hub D. Switch
- Câu 43:** Router có thể có mấy cổng mạng?
A. 4. B. 5. C. 7. D. Tùy vào ý định lắp.
- Câu 44:** Thiết bị nào sau đây giúp kết nối các thiết bị tạo thành mạng hình sao?
A. Laptop. B. Modem. C. Swicth. D. Máy chủ.
- Câu 45:** Trong phòng thực hành Tin học có 35 máy tính, muốn kết nối các máy tính đó thành mạng LAN, ta nên dùng thiết bị nào sau đây?
A. Modem. B. Access Point. C. Swicth. D. Router.
- Câu 46:** Bộ định tuyến là thiết bị nào sau đây?
A. Router. B. WAP. C. Modem. D. Swicth.
- Câu 47:** Nội dung nào sau đây KHÔNG phải là giao thức mạng hoạt động trên thiết bị gửi?
A. Đóng gói dữ liệu. B. Xác định địa chỉ IP. C. Giải nén dữ liệu. D. Truyền gói dữ liệu.
- Câu 48:** Nội dung nào sau đây KHÔNG phải là giao thức mạng hoạt động trên thiết bị nhận?
A. Đóng gói dữ liệu. B. Kiểm tra địa chỉ IP. C. Kiểm tra địa chỉ MAC. D. Quy định giải giải nén dữ liệu.
- Câu 49:** Tại thiết bị gửi, ngay sau khi đóng gói dữ liệu, xác định địa chỉ IP và địa chỉ MAC, giao thức mạng nào sau đây sẽ được thực hiện?
A. Truyền gói dữ liệu ngay lập tức. B. Xác định đường đi tối ưu cho gói dữ liệu.
C. Tiếp nhận gói dữ liệu từ thiết bị khác. D. Kiểm tra lỗi và đảm bảo độ tin cậy sau khi truyền gói dữ liệu.
- Câu 50:** Tại thiết bị gửi, giao thức mạng nào sau đây sẽ được thực hiện ngay trước khi truyền gói dữ liệu đi?
A. Đóng gói dữ liệu B. Xác định địa chỉ IP, địa chỉ MAC
C. Xác định đường đi tối ưu cho gói dữ liệu D. Kiểm tra lỗi và đảm bảo độ tin cậy

Câu 51: Khẳng định nào sau đây đúng khi nói về địa chỉ IPv4?

- A. IPv4 là địa chỉ 4 byte được gán cho thiết bị trên mạng
- B. IPv4 là địa chỉ 4 byte được gán với phần cứng
- C. IPv4 là địa chỉ không thể thay đổi được
- D. IPv4 là địa chỉ 6 byte được gán cho thiết bị trên mạng

Câu 52: Giao thức đảm bảo việc truyền dữ liệu ổn định và đúng thứ tự giữa các ứng dụng trên mạng

- A. IP
- B. SMTP
- C. TCP
- D. HTTP

Câu 53: Giao thức nào sau đây quy định về định tuyến và định danh các gói tin để có thể có thể chuyển tiếp các gói tin qua mạng đến đúng địa chỉ máy nhận?

- A. TCP.
- B. HTTP.
- C. IP.
- D. SMTP.

Câu 54: Máy tính trong mạng Internet giao tiếp với nhau bằng cách nào?

- A. Do dùng chung một ngôn ngữ tiếng Việt.
- B. Do dùng chung một ngôn ngữ tiếng Anh.
- C. Do dùng chung một loại ngôn ngữ là siêu văn bản.
- D. Do dùng chung bộ giao thức TCP/IP.

Câu 55: Phát biểu nào SAI trong các phát biểu sau?

- A. Internet là mạng máy tính khổng lồ, kết nối hàng triệu máy tính, mạng máy tính trên khắp thế giới và sử dụng bộ giao thức truyền thông TCP/IP.
- B. Mỗi máy tính trong Internet đều có chung địa chỉ IP
- C. Ai cũng có thể là chủ sở hữu của Internet.
- D. Internet là mạng có hàng triệu máy chủ.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây về Internet là chính xác nhất?

- A. Là mạng máy tính có hàng triệu máy tính kết nối với nhau.
- B. Là mạng máy tính khổng lồ.
- C. Là mạng có hàng triệu máy chủ.
- D. Là mạng máy tính toàn cầu sử dụng bộ giao thức truyền thông TCP/IP.

Câu 57: Phát biểu trong các phát biểu sau SAI khi nói về giao thức TCP?

- A. Mỗi ứng dụng được cấp phát một số hiệu, số hiệu này sẽ được gán vào gói DL
- B. Có cơ chế xác nhận để nơi gửi biết các gói tin đến có sai sót, thất lạc không nhằm gửi lại khi cần
- C. Đảm bảo việc truyền dữ liệu theo từng ứng dụng một cách chính xác, tin cậy và hiệu quả
- D. Định tuyến để dữ liệu có thể đi từ thiết bị gửi đến thiết bị nhận

Câu 58: Phát biểu trong các phát biểu sau SAI khi nói về giao thức IP?

- A. Giúp dữ liệu đi từ nguồn đến đích qua con đường tối ưu nhất
- B. Định tuyến để dữ liệu có thể đi từ thiết bị gửi đến thiết bị nhận
- C. Qui định cách thiết lập địa chỉ IP cho các thiết bị tham gia mạng
- D. Mỗi ứng dụng được cấp phát một số hiệu, số hiệu này sẽ được gán vào gói DL

Câu 59: Điều gì sau đây đảm bảo cho máy tính và thiết bị mạng có thể giao tiếp được với nhau đúng cách?

- A. Giao thức mạng.
- B. Giao tiếp mạng.
- C. Giao dịch mạng.
- D. Giao thông mạng.

Câu 60: Giao thức mạng là gì?

- A. Phần mềm giúp máy tính kết nối với Internet
- B. Tập hợp các quy tắc và quy định về cách thức giao tiếp để truyền dữ liệu giữa các thiết bị trong mạng
- C. Loại cáp mạng được sử dụng để kết nối các thiết bị trong mạng
- D. Thiết bị được sử dụng để kết nối các thiết bị trong mạng

Câu 61: Mệnh đề nào sau đây là đúng khi nói về việc chia sẻ tệp và thư mục giữa các máy tính trong một mạng?

- A. Mọi người dùng trong mạng đều có thể truy cập, chỉnh sửa tệp và thư mục được chia sẻ mà không cần bất kì quyền hạn nào
- B. Việc chia sẻ tệp và thư mục cần phải được thực hiện bằng cách sử dụng các dịch vụ lưu trữ đám mây như Google Drive hoặc Dropbox
- C. Máy tính cần được kết nối với cùng một mạng Wifi để có thể chia sẻ tệp và thư mục
- D. Việc chia sẻ tệp và thư mục có thể được thực hiện bằng cách sử dụng các tính năng tích hợp sẵn trong hệ điều hành như Windows Sharing

Câu 62: Khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A. Quyền "Read" chỉ cho phép người dùng xem và sao chép file mà không cho phép thay đổi hoặc xóa chúng
- B. Quyền "Read" chỉ cho phép người dùng thay đổi hoặc xóa file mà không cho phép xem và sao chép chúng
- C. Quyền "Read" cho phép người dùng xem, sao chép, thay đổi và xóa file
- D. Quyền "Read" chỉ cho phép người dùng xem file mà không cho phép sao chép, thay đổi hoặc xóa chúng

Câu 63: Trong Windows, để chia sẻ một thư mục, ta nhấp chuột phải vào thư mục và chọn

- A. Properties / Sharing / Advanced Sharing
- B. Properties / General / Share
- C. Properties / Security / Edit
- D. Properties / Details / Sharing

Câu 64: Đầu KHÔNG phải là bước thiết lập môi trường chia sẻ tệp và máy in trong mạng?

- A. Tắt tạm thời tường lửa
- B. Thiết lập cho phép các máy tính khác nhìn thấy và cho phép chia sẻ tệp và máy in
- C. Thiết lập chế độ mạng riêng
- D. Truy cập tệp và máy in được chia sẻ từ máy khác trong mạng

Câu 65: Phát biểu nào sau đây KHÔNG phải là ưu điểm của giao tiếp trong thế giới ảo?

- A. Giao tiếp trong thế giới ảo có thể diễn ra mọi lúc, mọi nơi.
- B. Giao tiếp trong thế giới ảo giúp thuận tiện trong việc truyền tải cảm xúc.
- C. Thế giới ảo cung cấp nhiều công cụ giao tiếp đa dạng.
- D. Giao tiếp trong thế giới ảo giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ thông tin.

Câu 66: Tại sao giao tiếp trong không gian mạng có thể khó xây dựng mối quan hệ chặt chẽ?

- A. Vì các công cụ giao tiếp hạn chế. B. Vì thiếu tín hiệu phi ngôn ngữ và cảm xúc.
C. Vì khó đánh giá được tính chân thật của thông tin và sự thật về người đối diện. D. Vì dễ bị lộ thông tin cá nhân.
- Câu 67:** Phương án nào dưới đây KHÔNG phải là nhược điểm của giao tiếp trong không gian mạng?
A. Giới hạn về thời gian và địa điểm. B. Có khả năng bị xâm phạm quyền riêng tư.
C. Tạo cơ hội kết nối nhiều người có chung sở thích. D. Khó xác định chính xác danh tính đối tác trên mạng.
- Câu 68:** Phương án nào dưới đây đúng khi nói về ưu điểm của giao tiếp trong không gian mạng?
A. Hỗ trợ người khuyết tật dễ dàng giao tiếp. B. Dễ dàng kiểm soát nguồn thông tin.
C. Không bị ảnh hưởng bởi các sự cố kỹ thuật đường truyền. D. Có độ tin cậy cao.
- Câu 69:** Phương án nào dưới đây đúng khi nói về nhược điểm của giao tiếp trong không gian mạng?
A. Không bị giới hạn về thời gian và địa điểm. B. Không thể xác định đối tượng giao tiếp một cách rõ ràng, chính xác.
C. Tiết kiệm chi phí và thời gian. D. Mở rộng khả năng tương tác, tạo cơ hội kết nối nhiều người.
- Câu 70:** Khi giao tiếp trong thế giới ảo, ưu điểm của việc sử dụng mạng xã hội như Facebook hoặc Zalo là gì?
A. Tạo ra sự phụ thuộc vào giao tiếp trực tiếp. B. Dễ gây ra tranh cãi và xung đột do việc phản hồi và chia sẻ công khai.
C. Cho phép chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng và rộng rãi.
D. Tạo ra nhiều không gian riêng tư cho cá nhân người tham gia giao tiếp.
- Câu 71:** Bạn Khôi đang tham gia một diễn đàn trực tuyến để trao đổi kiến thức với cộng đồng. Phương án nào sau đây có thể là nhược điểm của hình thức này?
A. Tiết kiệm thời gian so với việc gặp gỡ trực tiếp. B. Môi trường không thân thiện và thiếu sự giao lưu trực tiếp.
C. Việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm gặp nhiều khó khăn.
D. Bị giới hạn khả năng chia sẻ kiến thức với một số lượng lớn người dùng.
- Câu 72:** Khi tham gia mạng xã hội, bạn Phương nhận thấy có rất nhiều thông tin cá nhân được chia sẻ một cách công khai. Ưu điểm chính của việc chia sẻ thông tin cá nhân này là
A. tăng tính thân thiện và giao lưu với người khác. B. bảo vệ dữ liệu cá nhân.
C. có thể mất quyền riêng tư cá nhân. D. ngăn chặn việc lạm dụng thông tin cá nhân.
- Câu 73:** Trong khi tham gia các nhóm trò chuyện trực tuyến, bạn Hải nhận thấy nhiều thành viên chia sẻ hình ảnh và thông tin về cuộc sống hằng ngày của họ. Phương án nào sau đây là ưu điểm chính của việc chia sẻ này?
A. Tạo môi trường giao lưu và chia sẻ kinh nghiệm sinh hoạt hằng ngày. B. Bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân.
C. Tăng cơ hội tìm kiếm việc làm hoặc kết nối chuyên môn. D. Giảm nguy cơ bị mất mát thông tin cá nhân.
- Câu 74:** Tình huống nào sau đây KHÔNG nên áp dụng hình thức hội nghị trực tuyến?
A. Khi nội dung cuộc họp là các vấn đề nhạy cảm và cần có sự giao tiếp phi ngôn ngữ.
B. Khi cuộc họp cần tổ chức với số lượng người tham gia lớn và đến từ nhiều khu vực khác nhau.
C. Khi nội dung cuộc họp là các vấn đề cần được phổ biến cho nhiều người và cần có sự thảo luận.
D. Khi cuộc họp cần có chủ tọa điều khiển và những người tham gia chỉ được phát biểu ý kiến nếu chủ tọa cho phép.
- Câu 75:** Vấn đề nào sau đây có thể gặp phải khi thường xuyên sử dụng thông tin cá nhân của mình để giao tiếp trên không gian mạng?
A. Tạo ra sự phụ thuộc vào giao tiếp trực tiếp. B. Dễ bị hacker tấn công và đánh cắp thông tin cá nhân.
C. Giảm tốc độ truyền đạt thông tin trong giao tiếp. D. Hạn chế sự truyền tải cảm xúc và tương tác trực tiếp.
- Câu 76:** Trong việc tham gia mạng xã hội, ưu điểm chính nào sau đây có thể được nhấn mạnh?
A. Tạo ra một môi trường an toàn cho việc chia sẻ thông tin cá nhân.
B. Kết nối với người dùng từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau.
C. Giảm bớt thời gian mà người dùng phải dành để tương tác với người khác.
D. Giúp người dùng tránh xa khỏi các tin tức giả mạo và thông tin không chính xác.
- Câu 77:** Điều nào sau đây KHÔNG phải là cách ứng xử nhân văn khi giao tiếp trong không gian mạng?
A. Tôn trọng người khác. B. Sử dụng ngôn ngữ khiêu khích.
C. Thấu hiểu, cảm thông. D. Lịch sự, sử dụng ngôn từ đúng mực.
- Câu 78:** Khi giao tiếp trong không gian mạng, tại sao nên đọc kỹ bài viết của người khác trước khi đưa ra ý kiến của mình?
A. Để tránh lỗi chính tả. B. Để hiểu rõ nội dung và tránh hiểu lầm.
C. Để làm bài viết của mình dài hơn. D. Để có thể phản đối mạnh mẽ hơn.
- Câu 79:** Vì sao nên kiểm tra tính chính xác của thông tin trước khi chia sẻ trên không gian mạng?
A. Để bảo vệ thiết bị của mình. B. Để đảm bảo không làm tổn hại đến danh tiếng hoặc quyền riêng tư của người khác.
C. Để có thêm lượt thích (like). D. Để tiết kiệm thời gian.
- Câu 80:** Khi tham gia thế giới ảo, hành vi nào sau đây được coi là nhân văn?
A. Tấn công và đe dọa người khác. B. Khinh bỉ và chế nhạo người khác.
C. Thấu hiểu và hỗ trợ với người khác. D. Gây rối và quấy rối trên mạng.
- Câu 81:** Khi nhận được một bình luận tiêu cực hoặc phản đối ý kiến của bản thân trên mạng xã hội, cách phản ứng nào sau đây là phù hợp với tính nhân văn?
A. Tấn công và phản đối lại người gửi bình luận. B. Bỏ qua và không đáp trả bình luận đó.
C. Trả lời bình tĩnh và kiên nhẫn, diễn giải ý kiến. D. Xoá bình luận đó mà không cần giải thích.
- Câu 82:** Trong một diễn đàn trực tuyến về nghệ thuật, bạn Thành nhận được một bình luận phê phán về tác phẩm của mình từ một thành viên khác. Phương án nào sau đây là cách phản ứng tích cực và tôn trọng người khác?
A. Xoá bài viết phê phán và chặn người viết. B. Trả lời bình luận bằng cách giải thích ý kiến của mình một cách lịch sự.

- C. Gửi tin nhắn riêng yêu cầu người viết xóa bình luận đó. D. Bắt chước bình luận để trả lời một cách châm biếm.
- Câu 83:** Hành vi nào sau đây thể hiện tính nhân văn trong giao tiếp trên không gian mạng?
- A. Sử dụng ngôn từ một cách tùy thích khi tham gia bình luận trực tuyến.
 B. Tôn trọng quyền riêng tư của người khác khi chia sẻ thông tin cá nhân.
 C. Chia sẻ thông tin chưa được kiểm chứng để nhằm thu hút lượt tương tác.
 D. Sử dụng không gian mạng để chỉ trích người khác một cách gay gắt.
- Câu 84:** Khi giao tiếp trong không gian mạng, việc cẩn trọng với ngôn từ là vì lý do nào?
- A. Để tạo ấn tượng tốt. B. Để tránh làm tổn thương người khác.
 C. Để được nhiều người theo dõi. D. Để tăng lượt chia sẻ..
- Câu 85:** Khi gặp tình huống khó xử trong giao tiếp mạng, nên làm gì?
- A. Phớt lờ tình huống. B. Phản ứng ngay lập tức.
 C. Bình tĩnh và tôn trọng ý kiến người khác. D. Gây tranh cãi để thu hút sự chú ý.
- Câu 86:** Một hành động ứng xử nhân văn trong không gian mạng là gì?
- A. Chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng. B. Tôn trọng quyền riêng tư của người khác.
 C. Sử dụng ngôn ngữ thô tục. D. Phê phán mạnh mẽ người khác.
- Câu 87:** Khi tham gia vào một nhóm trò chuyện trực tuyến, nhận thấy một thành viên khác đang gặp khó khăn trong việc hiểu và tham gia vào cuộc trò chuyện, hành động nào sau đây nên làm để thể hiện tính nhân văn?
- A. Bỏ qua thành viên đó và tiếp tục trò chuyện với những người khác.
 B. Chế nhạo và châm chọc thành viên đó về khả năng hiểu biết của họ.
 C. Chia sẻ thông tin và giải thích một cách rõ ràng để giúp họ hiểu.
 D. Từ chối giúp đỡ và không chịu trách nhiệm trong việc hỗ trợ.
- Câu 88:** Trong một khoá học trực tuyến, bạn Hương nhận thấy một số bạn cùng lớp thường xuyên sao chép bài tập của mình. Phương án nào sau đây là hành động phù hợp Hương cần làm để gìn giữ tính nhân văn và đạo đức học thuật?
- A. Không làm gì vì đó là quyền tự do của họ. B. Gửi tin nhắn riêng nhắc nhở bạn bè về hành động không đạo đức này.
 C. Gửi bài tập cho một số bạn khác để cùng nhau thảo luận. D. Gửi bài tập cho giáo viên để thầy/cô xử lý vấn đề.
- Câu 89:** Trong một cuộc họp trực tuyến, bạn Sơn nhận ra rằng một số người tham gia đang bị gián đoạn bởi tiếng ồn từ môi trường xung quanh. Phương án nào sau đây là hành động phù hợp để gìn giữ tính nhân văn và tôn trọng người khác?
- A. Gửi tin nhắn riêng đề nghị họ tắt mic trong lúc không phát biểu.
 B. Gửi tin nhắn công khai nhắc nhở tất cả mọi người về vấn đề này.
 C. Gửi một email sau cuộc họp nhắc nhở về vấn đề này.
 D. Phản ứng bằng cách nâng giọng lên để yêu cầu mọi người lắng nghe.
- Câu 90:** Trong quá trình mua sắm trực tuyến, bạn Minh nhận được một sản phẩm không đúng mẫu mã và chất lượng như quảng cáo. Phương án nào sau đây là hành động phù hợp để giải quyết vấn đề trên một cách nhân văn?
- A. Đăng bài phản ánh trên mạng xã hội để cảnh báo người tiêu dùng khác.
 B. Liên hệ trực tiếp với bộ phận chăm sóc khách hàng để yêu cầu hoàn lại hoặc đổi sản phẩm.
 C. Tìm cách tự chỉnh sửa sản phẩm để sử dụng được.
 D. Đưa vấn đề ra ban quản trị của sàn thương mại điện tử để đòi quyền lợi.
- Câu 91:** Trong một nhóm chat về du lịch, bạn Linh nhận thấy một số thành viên đang chia sẻ thông tin sai lệch về một địa điểm du lịch. Phương án nào sau đây là cách tốt nhất để gìn giữ tính nhân văn và thông tin đúng đắn?
- A. Im lặng và không đưa ra ý kiến của mình.
 B. Nhắc nhở các thành viên khác về sự quan trọng của việc kiểm tra thông tin trước khi chia sẻ.
 C. Bắt đầu một cuộc tranh luận về địa điểm đó. D. Rời khỏi nhóm và tìm một nhóm chat khác.

II. TRẮC NGHIỆM DẠNG ĐÚNG/ SAI

- Câu 1:** Trí tuệ nhân tạo (AI) mang lại những ảnh hưởng tích cực như tăng cường hiệu quả công việc và cải thiện chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, AI cũng gây ra những thách thức về việc làm và quyền riêng tư của con người. Sau đây là các phát biểu về những ảnh hưởng của AI đối với con người.
- a) Con người có thể bị mất việc làm bởi AI. b) AI luôn công bằng khi áp dụng trong hệ thống hỗ trợ tuyển dụng.
 c) Không thể sử dụng AI để giả mạo giọng nói, khuôn mặt. d) AI có thể thu thập thông tin riêng tư của con người.
- Câu 2:** Trí tuệ nhân tạo (AI) đang nâng cao chất lượng ngành y tế thông qua việc phân tích dữ liệu y tế lớn, phát hiện sớm bệnh tật và tối ưu hoá quy trình chăm sóc bệnh nhân. Sau đây là các phát biểu về những ứng dụng của AI đối với ngành y tế.
- a) Hỗ trợ giao tiếp và thấu hiểu cảm xúc bệnh nhân. b) Đưa ra chẩn đoán y tế cuối cùng.
 c) Phân tích hình ảnh y tế và đưa ra chẩn đoán bệnh. d) Hỗ trợ bác sĩ thực hiện các thủ thuật y tế phức tạp.
- Câu 3:** Trong một trường học có 6 phòng cho các tổ chuyên môn, mỗi phòng được lắp đặt 2 máy tính để bàn và 1 máy in được kết nối với 1 cổng Hub. Các Hub này được kết nối với nhau thông qua một Switch trung tâm.
- a) Có thể dùng cáp quang để kết nối giữa máy tính và Hub.
 b) Nên sử dụng Switch thay thế cho Hub để tiết kiệm chi phí hơn.
 c) Cấu trúc mạng trong mỗi phòng là cấu trúc hình sao.
 d) Máy tính ở trong phòng này không thể chia sẻ thư mục với máy tính ở phòng khác.

- Câu 4:** Một chuyên viên IT được giao nhiệm vụ lắp đặt một hệ thống mạng mới cho một trường học. Hệ thống này cần cung cấp kết nối mạng cho các phòng học, văn phòng quản lí, thư viện và phòng học trực tuyến. Sau đây là một số nhận xét về hệ thống mạng trên sau khi lắp đặt.
- a) Các máy tính trong cùng một phòng có thể kết nối với nhau qua mạng LAN thông qua Switch.
 - b) Cáp xoắn đôi sẽ hiệu quả hơn khi truyền dữ liệu đi xa so với cáp quang.
 - c) Để kết nối các mạng LAN ở các phòng với nhau cần sử dụng Router.
 - d) Vùng phủ sóng Wi-fi phụ thuộc vào kích thước phòng lắp đặt thiết bị phát sóng.
- Câu 5:** Giao thức mạng là các quy tắc điều khiển việc kết nối và truyền thông giữa các thiết bị mạng. Có nhiều loại giao thức mạng với những chức năng khác nhau, chẳng hạn như giao thức trao đổi dữ liệu trên mạng giao thức định tuyến và chuyển tiếp,... Hai thiết bị mạng muốn kết nối với nhau thì phải tuân theo những quy tắc điều khiển được ấn định bởi cùng một giao thức mạng. Từ nhận xét trên, em hãy cho biết mỗi phát biểu sau đây đúng hay sai?
- a) Hai máy tính muốn trao đổi dữ liệu với nhau thì phải dùng chung một giao thức mạng.
 - b) TCP/IP là tên một giao thức duy nhất.
 - c) Giao thức TCP phụ trách việc tìm ra đường truyền đi tốt nhất trên mạng cho các gói tin.
 - d) Giao thức IP định nghĩa việc trao đổi dữ liệu giữa hai thiết bị mạng, chẳng hạn như giữa hai máy trên Internet.
- Câu 6:** Bạn X khẳng định: “*Tất cả các dịch vụ Internet, chỗ nào có địa chỉ IP đều có thể thay thế bằng tên miền*”. Từ khẳng định trên của bạn X, em hãy cho biết mỗi phát biểu sau đúng hay sai?
- a) Tên miền là tên trang web tương ứng với một địa chỉ IP trong mạng Internet.
 - b) Tên miền là cách định danh các máy tính trong mạng bằng những chữ gọi nhớ, thuận lợi cho người dùng Internet.
 - c) Tên miền được chia thành các cấp, cấp cao nhất của tên miền luôn luôn là viết tắt tên của một quốc gia.
 - d) Để đăng kí tên miền tại Việt Nam, người dùng có thể tìm đến các nhà cung cấp như PA Việt Nam, iNet,...
- Câu 7:** Phát biểu sau đây đúng hay sai về Ưu điểm và nhược điểm của giao tiếp trong không gian mạng?
- a) Giao tiếp trong không gian mạng thiếu tin hiệu phi ngôn ngữ.
 - b) Không gian mạng giúp tiết kiệm thời gian và chi phí trong giao tiếp.
 - c) Mọi quan hệ được xây dựng trong không gian mạng thường chặt chẽ hơn so với giao tiếp trực tiếp.
 - d) Công cụ giao tiếp trong không gian mạng thường ít đa dạng.
- Câu 8:** Ứng xử nhân văn khi giao tiếp trong không gian mạng sau đây đúng hay sai?
- a) Thể hiện sự tôn trọng người khác là một cách ứng xử nhân văn trong không gian mạng.
 - b) Việc sử dụng ngôn từ khiêu khích hoặc phân biệt chủng tộc là chấp nhận được trong một số tình huống.
 - c) Kiểm tra tính chính xác của thông tin trước khi chia sẻ là không cần thiết trong không gian mạng.
 - d) Hỗ trợ người khác phát triển là một biểu hiện của ứng xử nhân văn.

---Hết---